

Số: 51/NQ-HĐKĐCL

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục
Trường Đại học Nam Cần Thơ

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-KĐCL ngày 19/7/2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về hoạt động của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 400/QĐ-KĐCL ngày 28/4/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc tổ chức Phiên họp XXII của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 401/QĐ-KĐCL ngày 28/4/2023 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội về việc thành lập các hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục để thẩm định kết quả đánh giá chất lượng cho các cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo tại Phiên họp thứ XXII;

Căn cứ kết quả nghiên cứu Hồ sơ tự đánh giá của Trường Đại học Nam Cần Thơ, Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài, Báo cáo thẩm định của Tiểu ban chuyên môn và các tài liệu liên quan;

Căn cứ kết quả trao đổi, thảo luận và bỏ phiếu kín thông qua Nghị quyết tại Phiên họp XXII ngày 17/5/2023 của Hội đồng,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thống nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Nam Cần Thơ của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài. Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Nam Cần Thơ theo đúng quy định hiện hành. Kết quả đánh giá phản ánh đúng hiện trạng của Nhà trường và đã được Nhà trường đồng thuận. Thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Nam Cần Thơ cho thấy điểm trung bình của các tiêu chuẩn trong từng mục: Đảm bảo chất lượng về chiến lược, Đảm bảo chất lượng về hệ thống, Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng, Kết quả hoạt động đều đạt từ 3,50 điểm trở lên và không có tiêu chuẩn nào có điểm trung bình dưới 2,00 điểm (chi tiết trong Phụ lục I).

2. Kiến nghị Trường Đại học Nam Cần Thơ cần thực hiện 25 nhóm giải pháp cải tiến chất lượng giáo dục (chi tiết trong *Phụ lục II*).

3. Căn cứ Điều 46, Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Hội đồng đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục cho Trường Đại học Nam Cần Thơ.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Đinh Văn Toàn

Phụ lục I

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ**

*(Kèm theo Nghị quyết số: 51/NQ-HĐKĐCL ngày 18 tháng 5 năm 2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Mục 1. Đảm bảo chất lượng về chiến lược	4,18
Tiêu chuẩn 1	4,20
Tiêu chuẩn 2	4,25
Tiêu chuẩn 3	4,50
Tiêu chuẩn 4	3,75
Tiêu chuẩn 5	4,25
Tiêu chuẩn 6	3,86
Tiêu chuẩn 7	4,60
Tiêu chuẩn 8	4,00
Mục 2. Đảm bảo chất lượng về hệ thống	4,00
Tiêu chuẩn 9	4,00
Tiêu chuẩn 10	4,25
Tiêu chuẩn 11	3,75
Tiêu chuẩn 12	4,00

Lĩnh vực/Tiêu chuẩn	Điểm trung bình
Mục 3. Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng	3,92
Tiêu chuẩn 13	4,20
Tiêu chuẩn 14	3,80
Tiêu chuẩn 15	4,00
Tiêu chuẩn 16	3,75
Tiêu chuẩn 17	4,00
Tiêu chuẩn 18	4,00
Tiêu chuẩn 19	3,75
Tiêu chuẩn 20	3,75
Tiêu chuẩn 21	4,00
Mục 4. Kết quả hoạt động	4,08
Tiêu chuẩn 22	4,25
Tiêu chuẩn 23	3,83
Tiêu chuẩn 24	4,25
Tiêu chuẩn 25	4,00

Phụ lục II

CÁC KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC ĐỐI VỚI TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ

*(Kèm theo Nghị quyết số: 51/NQ-HĐKĐCL ngày 18 tháng 5 năm 2023
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục, Trung tâm KĐCLGD - ĐHQGHN)*

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục Trường Đại học Nam Cần Thơ giai đoạn 2018-2022 cho thấy Nhà trường có những điểm mạnh như sau:

1. Về Đảm bảo chất lượng về chiến lược: Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi được cập nhật phù hợp với chiến lược phát triển Trường và chiến lược phát triển vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Hệ thống quản trị và cơ cấu quản lý được thiết lập và tổ chức theo quy định, phù hợp với thực tiễn. Đội ngũ nhân sự và hệ thống văn bản quản trị, điều hành được rà soát, cập nhật. Các chỉ số KPIs được xác lập cho các lĩnh vực hoạt động chính, được điều chỉnh phù hợp với kế hoạch chiến lược và có các chính sách phù hợp để thực hiện. Đội ngũ giảng viên, nhân viên có sự gia tăng được tạo điều kiện phát triển về chuyên môn, nghiệp vụ. Nguồn thu tài chính có sự đa dạng, được phân bổ, sử dụng hợp lý, đảm bảo tái đầu tư, duy trì và phát triển các hoạt động. Cơ sở vật chất, hệ thống các trang thiết bị, phòng thí nghiệm được quy hoạch, được đầu tư hình thành một khuôn viên đại học đồng bộ, hiện đại. Mạng lưới phát triển các đối tác, quan hệ đối ngoại bước đầu được thiết lập, thể hiện được thế mạnh và bản sắc của Nhà trường.

2. Về Đảm bảo chất lượng về hệ thống: Hệ thống đảm bảo chất lượng được thiết lập và vận hành khá hiệu quả. Đội ngũ cán bộ chuyên trách có chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo, bồi dưỡng. Các chính sách đảm bảo chất lượng được điều chỉnh, cập nhật. Các hoạt động đảm bảo chất lượng được triển khai để hỗ trợ cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động. Công tác tự đánh giá và kiểm định chất lượng được triển khai. Hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được xây dựng để hỗ trợ cho các cấp ra quyết định. Công nghệ thông tin được ứng dụng trong thu thập và quản lý dữ liệu thông tin. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin đối sánh được thiết lập và bước đầu được thực hiện, được sử dụng làm căn cứ cải tiến chất lượng các hoạt động.

3. Về Đảm bảo chất lượng về thực hiện chức năng: Tiêu chí và phương thức tuyển sinh được xác định rõ ràng và công bố công khai; chất lượng tuyển sinh khá ổn định; hoạt động truyền thông được đầu tư mạnh có hiệu quả tích cực trong tuyển sinh. Triết lý giáo dục được truyền thông rộng rãi, được chuyển tải vào chương trình đào tạo và các hoạt động dạy và học phù hợp với mục tiêu phát triển đa ngành có tính ứng dụng thực tiễn. Kế hoạch phát triển hợp tác, nghiên cứu khoa học và kết nối, phục vụ cộng đồng được thiết lập có các chỉ số thực hiện chính và có các chính sách phù hợp để thực hiện, đánh giá, cải tiến. Hệ thống, quy trình tổ chức, quản lý kết quả nghiên cứu khoa học, sở hữu trí tuệ được triển khai; một số kết quả nghiên cứu được cấp bằng sáng chế, được thương mại hóa, bước đầu tạo được nguồn thu.

4. Về Kết quả hoạt động: Hệ thống quản lý học tập được triển khai; tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học, thời gian tốt nghiệp trung bình được giám sát, đánh giá. Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm cao; chất lượng người học tốt nghiệp được các nhà sử dụng lao động đánh giá khá tốt. Số lượng, loại hình nghiên cứu khoa học được xác lập, được quan tâm đầu tư; kết quả nghiên cứu của người học, kết quả công bố khoa học trên hệ thống ISI, Scopus của giảng viên tăng đáng kể. Các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng có nhiều tác động xã hội tích cực và được ghi

nhận. Kết quả và các chỉ số tài chính của các hoạt động được xác lập, được rà soát để cải tiến.

Tuy nhiên, Nhà trường còn một số lĩnh vực cần cải tiến chất lượng (cụ thể trong Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài). Trên cơ sở Hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại Phiên họp, Hội đồng kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo 25 nhóm giải pháp dưới đây:

1. Rà soát, điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi để thể hiện rõ hơn mục tiêu phát triển Trường ngang tầm khu vực Đông Nam Á và hướng tới trở thành trường đại học tư thục đa ngành hàng đầu. Khẳng định nhất quán giá trị đổi mới, sáng tạo trong các nghị quyết của đảng bộ. Sớm tổng kết vai trò của đổi mới sáng tạo tác động đến hiệu quả của các hoạt động để có các giải pháp và cơ chế mạnh mẽ hơn.

2. Rà soát, hoàn chỉnh quy chế tổ chức và hoạt động; ban hành đầy đủ các văn bản quản trị làm rõ trách nhiệm giải trình, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình hoạt động. Bổ sung và có hướng dẫn cụ thể với khung logic tổ chức thực hiện quyết định của các cơ quan quản trị để chuyển tải thành các kế hoạch hành động. Có các giải pháp hiệu quả trong quản trị rủi ro trong bối cảnh phát triển nhanh về quy mô đào tạo và phát triển đội ngũ. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ trong quản trị về chiến lược, quản trị theo kết quả và thực hiện các định hướng chiến lược.

3. Có quy định việc rà soát định kỳ cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị; hoàn thiện đánh giá năng lực để bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành. Chú trọng bồi dưỡng năng lực tham mưu, tổ chức thực hiện của đội ngũ cán bộ quản lý các cấp; rà soát định kỳ, lập kế hoạch cụ thể để quy hoạch và thực hiện phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý.

4. Có quy trình, hướng dẫn cụ thể việc xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển Trường và kế hoạch thực hiện tại các đơn vị. Rà soát, điều chỉnh các chỉ tiêu chiến lược bám sát sứ mạng, tầm nhìn; xây dựng bổ sung các chỉ tiêu về kết nối, phục vụ cộng đồng. Có lộ trình thực hiện kế hoạch chiến lược theo năm với các chỉ tiêu cụ thể thực hiện, giám sát, đánh giá mức độ đạt được làm cơ sở đề xuất các giải pháp hữu hiệu điều chỉnh, cải tiến.

5. Ban hành hướng dẫn chi tiết về công tác xây dựng chính sách; bồi dưỡng nâng cao năng lực tham mưu xây dựng chính sách các lĩnh vực hoạt động chủ yếu. Định kỳ rà soát, đánh giá kết quả thực hiện việc tuân thủ các chính sách, quy định quy chế của Trường và các cơ quan quản lý; đánh giá hiệu quả, tác động của các chính sách đến kết quả thực hiện chỉ tiêu chiến lược; khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan để có những cập nhật điều chỉnh, bổ sung kịp thời.

6. Điều chỉnh các chính sách, cơ chế để thu hút giảng viên, nhà khoa học trình độ cao; có giải pháp cụ thể để tăng tỷ lệ giáo sư, phó giáo sư và tiến sĩ, đảm bảo các điều kiện mở ngành và duy trì ngành theo Thông tư 02/2021/TT-BGDĐT. Có các chế độ, chính sách khen thưởng phù hợp và tiếp tục đẩy mạnh nghiên cứu khoa học trong giảng viên. Xác lập và đưa vào các quy định cụ thể về nhiệm vụ kết nối, phục vụ cộng đồng đối với cán bộ, giảng viên rà soát, cập nhật khung năng lực theo vị trí việc làm để đánh giá và đào tạo phát triển.

7. Xác định giải pháp tiếp tục đa dạng hóa nguồn thu, tăng nguồn thu từ các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và dịch vụ. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty, doanh nghiệp, bệnh viện, viện nghiên cứu trực thuộc Trường. Tiếp tục đầu tư nâng cấp

hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống wifi và đẩy mạnh phát triển thư viện số, học liệu số, ứng dụng các hệ thống phần mềm quản lý dạy và học tập LMS vào giảng dạy; xây dựng hệ thống phần mềm quản lý tổng thể các nguồn lực ERP. Đầu tư mới và nâng cấp các phòng thực hành, thí nghiệm và trang thiết bị đảm bảo an toàn, đặc biệt các ngành: hóa học, kỹ thuật cơ khí động lực, kỹ thuật môi trường, công nghệ thực phẩm.

8. Ban hành các chính sách, quy định, hướng dẫn, giải pháp cụ thể về đối ngoại, chú trọng đến các hoạt động hợp tác trong nước và có đơn vị đầu mối quản lý thống nhất các hoạt động. Nghiên cứu xây dựng các chỉ số về phát triển đối ngoại, đặc biệt chú trọng hợp tác với các đối tác liên quan đến thế mạnh của Nhà trường. Đầu tư các nguồn lực phù hợp để tận dụng có hiệu quả các cơ hội từ các hoạt động đối ngoại để nâng cao chất lượng đội ngũ, khoa học công nghệ gia tăng giá trị học thuật và nâng cao uy tín; tăng cường truyền thông về những thành tích hợp tác và đối ngoại của Nhà trường.

9. Rà soát tổng thể, tích hợp hệ thống các quy định, quy trình đảm bảo chất lượng để thuận tiện trong thực hiện và giám sát. Phân tích các kết quả đạt được từ tự đánh giá và kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo để cải tiến. Tăng cường đầu tư xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong và năng lực thực hiện để hỗ trợ hiệu quả việc thực hiện chức năng đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng hướng đến quản trị hiệu quả Nhà trường. Sử dụng các kết quả đối sánh, xếp hạng để thiết lập, quản trị các chỉ số đầu ra hướng đến đạt được các mục tiêu chiến lược, sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường.

10. Định kỳ tự đánh giá và có các biện pháp cải tiến chất lượng dựa trên các phát hiện từ hoạt động tự đánh giá và kiểm định chất lượng các chương trình đào tạo. Cập nhật hệ thống thu thập thông tin đảm bảo chất lượng bên trong; phân tích kết quả để có các thông tin hữu ích phục vụ cải tiến chất lượng. Nghiên cứu ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong quản lý, quản trị để hỗ trợ hiệu quả hơn nữa cho quá trình tự đánh giá và kiểm định chất lượng, cải tiến chất lượng.

11. Quản lý thống nhất các cơ sở dữ liệu, thông tin đảm bảo chất lượng bên trong để phục vụ kịp thời yêu cầu quản trị, quản lý. Cải tiến nội dung khảo sát, công cụ khảo sát, cách thức khảo sát ý kiến các bên liên quan đảm bảo khoa học để có các thông tin có ý nghĩa phục vụ cải tiến chất lượng các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng.

12. Rà soát, cập nhật các quy định, quy trình đối sánh; điều chỉnh tiêu chí lựa chọn cơ sở giáo dục để thực hiện đối sánh và cải tiến chất lượng. Tiếp tục nâng cao năng lực đảm bảo chất lượng bên trong về đội ngũ, hạ tầng công nghệ thông tin, công cụ và cách thức khảo sát để đảm bảo các thông tin thu thập được phân tích, xử lý và quản lý thống nhất và chủ động. Xác định bổ sung các chỉ số thị trường của cơ sở giáo dục để so chuẩn đối sánh và cải tiến chất lượng, đặc biệt quan tâm chỉ số cạnh tranh liên quan đến mức độ hài lòng của nhà sử dụng lao động đối với chất lượng người học tốt nghiệp.

13. Tham khảo rộng rãi các chính sách phát triển và nhu cầu của xã hội để xác định chỉ tiêu và chính sách tuyển sinh phù hợp với năng lực đào tạo của Trường; phân tích đa chiều kết quả tuyển sinh theo địa phương, theo phương thức và tổ hợp xét tuyển để có các điều chỉnh phù hợp. Ban hành quy trình chi tiết về giám sát công tác tuyển sinh và nhập học phù hợp với đặc thù; rà soát, cải tiến phương thức và chính sách tuyển sinh cho các chương trình đào tạo sau đại học.

14. Có quy định, hướng dẫn xây dựng, điều chỉnh chuẩn đầu ra và phát triển chương trình

đào tạo dựa trên chuẩn đầu ra. Rà soát các học phần, xác định chuẩn xác mức độ đóng góp của các học phần vào thực hiện chuẩn đầu ra, tăng tính tương thích với nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá. Nắm bắt nhu cầu của thị trường lao động hiện tại và xu hướng trong tương lai để cập nhật những yêu cầu mới của ngành đào tạo; tăng cường tham khảo các chương trình đào tạo tiên tiến trong và ngoài nước để điều chỉnh, chú trọng phát triển năng lực khởi nghiệp và các kỹ năng mềm cho người học.

15. Có quy định, hướng dẫn cụ thể việc chuyển tải triết lý giáo dục vào hoạt động dạy và học. Rà soát, đánh giá tổng thể mức độ đáp ứng yêu cầu về đội ngũ giảng viên theo quy định.. Hoàn thiện bộ tiêu chí đánh giá chất lượng giảng dạy, bổ sung các nội dung đánh giá về ứng dụng công nghệ thông tin, về tính phù hợp của phương pháp dạy học với mục tiêu và chuẩn đầu ra của học phần. Đẩy mạnh liên kết với các doanh nghiệp trong đào tạo và tăng cường áp dụng các phương pháp dạy học tích cực, tiên tiến.

16. Xây dựng và ban hành hướng dẫn về lựa chọn các phương thức đánh giá phù hợp với chuẩn đầu ra; có kế hoạch thực hiện đo lường được mức độ người học đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo theo yêu cầu của Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT. Đánh giá mức độ phù hợp của các phương pháp kiểm tra đánh giá, nhất là đánh giá các kỹ năng tự học, làm việc nhóm, khả năng sáng tạo và năng lực học tập suốt đời để có những điều chỉnh, cải tiến phù hợp.

17. Xây dựng hệ thống quản lý dữ liệu người học tích hợp để khai thác hiệu quả và có hành động cụ thể đẩy mạnh và triển khai thường xuyên các hoạt động hỗ trợ người học trong nghiên cứu khoa học, các hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; tăng cường hoạt động trải nghiệm để người học làm quen với môi trường, văn hóa doanh nghiệp và cập nhật công nghệ mới. Nghiên cứu điều chỉnh nội dung khảo sát lấy ý kiến của người học đối với chất lượng dịch vụ hỗ trợ, bao gồm cả thái độ và năng lực của đội ngũ cán bộ hỗ trợ để có các cải tiến.

18. Xây dựng kế hoạch nghiên cứu khoa học trên cơ sở đánh giá thực tiễn triển khai và yêu cầu của chiến lược phát triển và tiềm năng nghiên cứu của Trường. Đẩy mạnh khai thác nguồn kinh phí nghiên cứu thông qua kết nối với địa phương, doanh nghiệp. Xác định các chỉ tiêu về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp; có giải pháp tiếp tục đẩy mạnh chuyển giao và thương mại hoá sản phẩm nghiên cứu khoa học. Xây dựng các hướng nghiên cứu mũi nhọn; tăng cường kết nối, hợp tác và thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng nghiên cứu làm tiền đề cho thúc đẩy nghiên cứu khoa học chuyên sâu và các nghiên cứu đỉnh cao.

19. Có chiến lược, chính sách thúc đẩy tạo dựng, quản lý và khai thác tài sản trí tuệ. Có cơ chế khuyến khích, hỗ trợ, tư vấn chuyển giao và thương mại hoá kết quả nghiên cứu khoa học; định kỳ tập huấn và có các hoạt động truyền thông về sở hữu trí tuệ cho cán bộ, giảng viên và sinh viên. Rà soát, điều chỉnh các quy định về sở hữu trí tuệ; định kỳ tổng kết và đánh giá công tác quản lý khoa học công nghệ và tài sản trí tuệ để cải tiến.

20. Ban hành văn bản quy định về hợp tác đối ngoại để thúc đẩy nghiên cứu khoa học hướng tới mục tiêu chiến lược và giá trị cốt lõi “hội nhập và phát triển”; quy định rõ tiêu chuẩn đối tác và rà soát tính hiệu quả của các hợp tác trong nghiên cứu khoa học và triển khai công nghệ; cụ thể hoá thành các chỉ báo KPIs trong hợp tác nghiên cứu khoa học để cải tiến ở cả 3 cấp: Trường, đơn vị và cá nhân.

21. Cập nhật các mục tiêu, nội dung về kết nối, phục vụ cộng đồng trong chiến lược và kế hoạch năm; sớm ban hành các tiêu chuẩn chỉ báo đánh giá hoạt động này trong các lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ cho cộng đồng theo yêu cầu. Có quy

định cụ thể nhiệm vụ và hướng dẫn quy đổi khối lượng công việc phục vụ cộng đồng đối với cán bộ giảng viên và sinh viên để triển khai thực hiện, giám sát và đánh giá.

22. Phân tích nguyên nhân thôi học, bỏ học làm cơ sở xác định các biện pháp hỗ trợ người học để giảm tỉ lệ thôi học, tăng tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn và giám sát thời gian tốt nghiệp trung bình của các ngành đào tạo. Thực hiện đối sánh với các cơ sở giáo dục đại học, phân tích kết quả khảo sát về mức độ hài lòng của nhà sử dụng lao động theo từng chương trình đào tạo để có các biện pháp cải thiện trong xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, hoạt động dạy - học.

23. Đối sánh với các cơ sở giáo dục đại học trong nước và quốc tế để có những cải tiến trong hoạt động nghiên cứu khoa học phù hợp với giá trị cốt lõi “Trí tuệ - Sáng tạo - Hội nhập và Phát triển”. Khảo sát, đánh giá nhu cầu các bên sử dụng về sản phẩm nghiên cứu để xác định các hướng nghiên cứu mũi nhọn; thúc đẩy khai thác tài sản trí tuệ thông qua chuyển giao và thương mại hoá sản phẩm nghiên cứu; tăng cường đầu tư kinh phí nhằm đa dạng hoá các loại hình và sản phẩm nghiên cứu. Hoàn thiện hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp thông qua tiếp cận toàn diện về chính sách, giải pháp thực thi và đầu tư nguồn lực.

24. Xác định cụ thể các chỉ số về loại hình, khối lượng và kết quả hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng trên cơ sở tham chiếu với sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường và để có căn cứ xác lập các chỉ tiêu thực hiện và giám sát. Xây dựng văn bản hướng dẫn và quy trình giám sát, đối sánh kết quả thực hiện với các chỉ số, chỉ báo cụ thể. Nghiên cứu xác lập mức độ tác động xã hội từ kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội để giám sát, đối sánh và cải tiến.

25. Xây dựng chiến lược và kế hoạch cụ thể tiếp tục đa dạng hóa nguồn thu và tăng hiệu quả hoạt động tài chính của các doanh nghiệp, bệnh viện trực thuộc. Xác lập và giám sát tốt các chỉ số tài chính, thị trường cốt lõi một cách có hệ thống; có đánh giá định kỳ các chỉ số thị trường bám sát các chỉ tiêu đã lựa chọn làm cơ sở cho Hội đồng trường, Ban Giám hiệu ra quyết định. Đối sánh với các cơ sở giáo dục phù hợp để điều chỉnh các mục tiêu chiến lược và có chính sách cụ thể để nâng cao kết quả các mặt hoạt động; có kế hoạch tham gia xếp hạng và nâng cao vị trí của Nhà trường trong các bảng xếp hạng đại học trong nước và quốc tế.

Trên đây là 25 nhóm giải pháp tổng hợp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ lưỡng Báo cáo đánh giá ngoài của Đoàn chuyên gia đánh giá ngoài để có thêm những giải pháp chi tiết trong quá trình triển khai thực hiện. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia Hà Nội theo quy định.

